TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2019/DS-ST
Ngày: 30-9-2019
Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Bích Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2019/TLST-DS ngày 03/4/2019, về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: NH T .
Địa chỉ: đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ liên lạc: đường C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh G – sinh năm 1994 (văn bản ủy quyền số 8439/2019/UQ-PGĐK ngày 27/9/2019) (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông T , sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường H, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2019 của NH T cùng lời khai của đại diện theo ủy quyền của NH T , và lời khai của ông T tại bản tự khai, biên bản hòa giải, trình bày như sau:

Ông T có ký kết với NH T đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015. Ngày 23/3/2015, NH T chấp thuận cho ông T vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà. thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 23/3/2015, lãi suất vay là 30%/năm, phương thức thanh toán theo lịch trả nợ.

NH T đã chuyển số tiền ông T vay là 60.000.000 đồng vào tài khoản của ông T có số 78833149 tại NH T (ngày 24/3/2015 ông T đã rút tiền mặt 59.108.000 đồng, đóng bảo hiểm tín dụng 841.093 đồng, để lại tài khoản là 50.907 đồng). Sau khi nhận đủ tiền vay nêu trên, ông T đã trả góp được số tiền tổng cộng là 78.961.344 đồng (bao gồm nợ gốc 58.627.234 đồng; nợ lãi là: 20.334.110 đồng).

Ông T có ký kết với NH T đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015. Ngày 02/7/2015 NH T (VPBank) chấp thuận cho ông T vay số tiền 40.000.0000 đồng mục đích vay để mua xe, thỏa thuận thời hạn vay là 48 tháng tính từ ngày 02/7/2015, lãi suất vay 27%/năm, phương thức thanh toán theo lịch trả nợ.

NH T đã chuyển số tiền ông T vay là 40.000.000 đồng vào tài khoản của ông T có số 78833149 tại NH T (ngày 03/7/2015 ông T đã rút tiền mặt 38.800.000 đồng, đóng bảo hiểm tín dụng 1.173.470 đồng, để lại tài khoản là 26.530 đồng). Sau khi nhận đủ tiền vay nêu trên, ông T đã trả góp được số tiền tổng cộng là 18.551.061đồng (bao gồm nợ gốc là 6.947.511 đồng, nợ lãi là: 11.603.550 đồng).

Ngày 01/8/2015 ông T có ký kết với NH T đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 (loại thẻ hạng chuẩn MC2 màu cam) với hạn mức thẻ là 16.000.000 đồng, lãi suất 2,99%/tháng. Ông T đã thực hiện rút tiền trong thẻ và tính đến ngày 30/5/2019 ông T còn nợ tiền gốc và lãi đối với tài khoản thẻ này là 13.369.310 đồng (trong đó nợ gốc là 4.881.653 đồng và nợ lãi là 8.487.657 đồng).

NH T yêu cầu cá nhân ông T trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đối với 03 khoản vay nêu trên. Phía ông T đề nghị được giảm lãi và sẽ trả 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ gốc và lãi đối với ba khoản nợ nêu trên.

- Anh G đại diện theo ủy quyền của NH T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và yêu cầu ông T trả cho NH T số tiền vay còn nợ tính đến ngày 30/9/2019 tổng cộng là 118.452.851 đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tính từ ngày 01/10/2019 cho đến khi trả hết nợ.

- Ông T vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 28/02/2019 NH T nộp đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2019 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự) yêu cầu trả số tiền vay còn

nợ đối với ông T , hiện đang cư trú tại đường H, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự. Anh G là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ông T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông T là bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015 (giải ngân ngày 23/3/2015), đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015 (giải ngân ngày 02/7/2015), đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 ngày 01/8/2015 (mở thẻ ngày 04/8/2015), cùng sự thừa nhận của NH T và ông T , cho thấy giao dịch giữa hai bên là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 122, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Ngày 23/3/2015 ông T vay của NH T số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà. thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 23/3/2015, lãi suất vay là 30%/năm, phương thức thanh toán theo lịch trả nợ; Ngày 02/7/2015 ông T vay của NH T (VPBank) số tiền 40.000.0000 đồng mục đích vay để mua xe, thỏa thuận thời hạn vay là 48 tháng tính từ ngày 02/7/2015, lãi suất vay 27%/năm, phương thức thanh toán theo lịch trả nợ; ông T được sử dụng thẻ tín dụng loại thẻ hạng chuẩn MC2 màu cam, với hạn mức thẻ là 16.000.000 đồng, lãi suất 2,99%/tháng.

Sau khi nhận đủ tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015, ông T đã trả góp được số tiền tổng cộng là 78.961.344 đồng (bao gồm nợ gốc 58.627.234 đồng, nợ lãi là: 20.334.110 đồng) và ngưng trả tiền từ ngày 26/7/2018 đến nay, nên số tiền nợ gốc còn lại là 60.000.000 đồng - 58.627.234 đồng = 1.372.766 đồng và tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 30/9/2019 còn lại là 43.855.409 đồng - 20.334.110 đồng = 23.521.299 đồng.

Sau khi nhận đủ tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015, ông T đã trả góp được số tiền tổng cộng là 18.551.061 đồng (bao gồm nợ gốc là 6.947.511 đồng, nợ lãi là: 11.603.550 đồng) và ngưng trả tiền từ ngày 02/8/2016 đến nay, nên số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000 đồng - 6.947.511 đồng = 33.052.489 đồng và tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 30/9/2019 còn lại là 57.856.687 đồng - 11.603.550 đồng = 46.253.137 đồng.

Sau khi sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 (loại thẻ hạng chuẩn MC2 màu cam), ông T đã thực hiện rút tiền trong thẻ và tính đến ngày 30/9/2019 ông T còn nợ tiền gốc là 4.881.653 đồng và nợ lãi là 9.371.506 đồng.

Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận, nên căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của

Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, thì ông T phải trả cho NH T tiền nợ vay tính đến ngày 30/9/2019 là: 1.372.766 đồng nợ gốc và 23.521.299 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015 (giải ngân ngày 23/3/2015), 33.052.489 đồng nợ gốc và 46.253.137 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015 (giải ngân ngày 02/7/2015), 4.881.653 đồng nợ gốc và 9.371.506 đồng nợ lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 ngày 01/8/2015 (mở thẻ ngày 04/8/2015), tổng cộng là 118.452.851 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền ông T còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự, ông T phải trả cho NH T toàn bộ số tiền 118.452.851 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì ông T còn phải tiếp tục trả cho NH T tiền lãi trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015 (giải ngân ngày 23/3/2015), đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015 (giải ngân ngày 02/7/2015), đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 ngày 01/8/2015 (mở thẻ ngày 04/8/2015), tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày trả hết nợ.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do ông T phải thanh toán cho NH T số tiền nợ nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 118.452.851 đồng x 5% = 5.922.642 đồng.

Do NH T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.647 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011013 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của NH T :

Buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho NH T số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2019, theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015 (giải ngân ngày 23/3/2015) là 1.372.766 đồng nợ gốc và 23.521.299 đồng nợ lãi, theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ

ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015 (giải ngân ngày 02/7/2015) là 33.052.489 đồng nợ gốc và 46.253.137 đồng nợ lãi, theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 ngày 01/8/2015 (mở thẻ ngày 04/8/2015) là 4.881.653 đồng nợ gốc và 9.371.506 đồng nợ lãi, tổng cộng là 118.452.851 đồng.

Ông T phải trả cho NH T toàn bộ số tiền 118.452.851 (một trăm mười tám triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn tám trăm năm mươi mốt) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông T còn phải trả cho NH T tiền lãi trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3044557 ngày 12/3/2015 (giải ngân ngày 23/3/2015), đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3849504 đề ngày 17/6/2015 (giải ngân ngày 02/7/2015), đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-126459 ngày 01/8/2015 (mở thẻ ngày 04/8/2015), tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.922.642 (năm triệu chín trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi hai) đồng

Hoàn trả lại cho NH T số tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.647 (hai triệu bảy trăm ngàn sáu trăm bốn mươi bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011013 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: NH T và ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa